1. Cấu trúc của tài liệu

<!DOCTYPE html> : Xác định tài liệu này là html5

<head></head>: Chứa thông tin về tài liệu

<body></body>: Chứa nội dung của website

1. Các thẻ trong <header></header>

<meta> : Cung cấp thêm “thông tin về trang web” cho trình duyệt và các công cụ tìm kiếm (các thông tin này không được hiển thị lên màn hình tuy nhiên trình duyệt và các công cụ tìm kiếm có thể đọc và hiểu được)

<meta charset=”utf-8”>: xác định kiểu mã hóa ký tự của trang web

<meta name=”keywords” content=””>: xác định từ khóa cho công cụ tìm kiếm

<meta name=”description” content=””>: mô tả ngắn gọn nội dung của trang web

<meta name=”author” content=””>: Xác định tác giả cho page

<meta name="copyright" content=" " />

<meta name=”viewport” content=”width=device-width, initial-scale=1.0”> Cài đặt khung nhìn cho page trên các thiết bị

<meta name=”revised” content=”team, thời gian” >: Ngày sửa cuối cùng của tài liệu

<meta http-equiv=”refresh” content=”time”> Xác định khoảng thời gian mà trang web tự động tải lại trang

<meta http-equiv=”refresh” content=”time, url = ”: Xác định việc chuyển hướng trang

Open grap Protocol: <meta property=”og: ... ” content=”...” />: Chia sẻ trên mạng xã hội

Og:type

Og:title

Og:image

Og:image:width

Og:image:height

Og:url

Og:description

Thẻ <title></title>: Xác định tiêu đề cho page

Thẻ <style></style>: Xác định thông tin kiểu cho phần tử html

* chèn css trực tiếp trong trang html

Thẻ <link rel=”stylesheet” href=””>: Xác định liên kết giữa tài liệu và tài liệu bên ngoài

* Thêm liên kế với file css

Thẻ <script></script>: Định nghĩa Javascript

C1: Viết trực tiếp js trong file html

C2: liên kết tới file script <script type=”text/javascript” src=””></script>

* Thuộc tính async: Cho phép thẻ script download mà không ngừng bộ dịch html
* Thuộc tính defer: Thực thi theo thứ tự script nhưng vẫn không làm ngưng bộ dịch html

<https://blog.daovanhung.com/post/co-che-browser-load-html-va-js>

Thẻ <base href=”” target=”\_blank”>: Chỉ định đường dẫn cơ sở

1. Các thẻ trong phần <body></body>

Layout: <header></header>

<nav></nav>

<section></section>

<article></article>

<aside></aisde>

<footer></footer>

<details></details> Thêm chi tiết

<summary></summary>: Tiêu đề của <details> element

List:

Danh sách không có thứ tự

<ul list-style-type=”none/disc/circle/square” list-style-image=”url(#)’ list-style-position=”inside/outside” || list-style=”type position image”>

<li></li> :

</ul>

Danh sách có thứ tự

<ol type=”1/A/a/I/i” start=”50”>

<li></li>

</ol>

Danh sách miêu tả

<dl>

<dt></dt> -> Xác định tên

<dd></dd> -> Xác định miêu tả

</dl>

Image

<img src=”” alt=”” style=”width: ; height: ;border: ; border-radius: ; filter: ” onerror=”this.onerror=null;this.src=”...” >

Headings

<h1></h1> .... <h6></h6>(Default: margin-top,margin-bottom, font-weight, font-size,display:block)

Paragraphs

<p></p> (Default: margin-top,margin-bottom, display: block)

<br> : Xuống dòng

<pre></pre>: Xác định văn bản được xác định sẵn

<span></span>

<hr>: boder-bottom

<b>: bold text

<strong>: important text

<i>: italic text

<em>: emphaized text

<mark> marked text

<small> mall text

<del> deleted text

<ins> inserted text gạch chân

<sub> subscript text

<sup> supersrcipt text

<blockquote cite=”source”>: trích dẫn (default: margin-top, margin-bottom, margin-left, margin-right)

<address>(default: font-size: italic)

<cite></cite>: Xác định tiêu đề của tác phẩm (default: font-size: italic)

<q></q>: Xác định trích dẫn ngắn

Links:

<a href=”#” target=”\_blank/\_self/\_parent” title=”” ></a>

Text-decoration,

Table

<table style=”border-spacing= ; ” border-collapse: collapse;>

<tr> -> Xác định một hàng của bảng

<th colspan=”” rowspan=””></th> -> Xác định tiêu đề của cột

<td></td> -> Xác định dữ liệu của bảng

<thead></thead>

<tbody></tbody>

<tfoot></tfoot>

<caption></caption>

Blocks

<div> <address> <p> <h1>...<h6> <article> <dd> <dl> <dt> <fieldset> <pre> <hr> <li> <main> <nav> <section> <table> <ul> <ol>

Inline Element

<span> </span> <a> <abbr><b><i><big> <button> <em> <img> <input> <label> <q> <sub> <sup> <mark><textarrea> <strong>

Form

<form action =”#” target=”\_blank/\_top/\_parent” method=”get/post”> </form>

<input type=”text/radio/submit” name=”” value=”” >

<input type=”button”>

<input type=”checkbox” checked >

<input type=”radio” checked >

<input type=”file”>

<input type=”image”>

<input type=”password”>

<input type=”search”>

<input type=”reset”>

<input type=”color”>

<input type=”date”>

<input type=”email”>

<input type=”number” min=”” max=”” >

<input type=”range” min=”” max=””>

<fieldset></fieldset> -> group related data

<legend></legend> -> caption for <fieldset> element

<datalist>

<option></option>

</datalist>

Attribute

Readonly: thuộc tính đầu vào chỉ đọc không thay dổi

Disabled: Thuộc tính đầu vào bị vô hiệu hóa

Size: Kích thường của input field

Maxlength: Độ dài tối đa cho trường đầu vào

Placeholder

Pattern

Autocomplete

Multiple: Cho phép chọn nhiều giá trị trong <input> element

Title

Required: trường đầu vào bắt buộc phải điền trước khi gửi biểu mẫu

Step: (type=number/range/date)

Video:

<video width=”” height=”” controls>

<source src=”#” type=”video/mp4”>

</video>

<audio controls>

<source src=”#” type=”audio/ogg”>

</audio>

<iframe src=”#” width=”” height=”” ></iframe>

<object width=”” height=”” data=”#”></object>

<embed width=”” heigth=”” src=”#”></embed>

CSS

1. Css thường gặp

Margin: margin-top/margin-bottom/margin-left/margin-right

Padding: padding-top/padding-bottom/padding-left/padding-right

Width

Height

Background

background-color

background-size

background-image: url()

background-repeat: repeat-x(lặp lại theo chiều ngang) /repeat-y(lặp lại theo chiều dọc)/ no-repeat

background-position: right top

background-attackment: fixed/scroll : Xác định xem phần background sẽ được fixed hay scroll theo phần còn lại của trang

Text: Text-align: center/left/right/justify

Color

Text-decoration: none/underline/line-through/overline

Text-transform: uppercase/lowercase/capitalize

Text-indent: Thụt lề

Letter-spacing: Khoảng cách giữa các kí tự

Line-height: Khoảng cách giữa các dòng

Word-spacing: Khoảng cách giữa các từ

Text-shadow: ngang dọc màu : bóng đổ của chữ

Text-overflow: clip/ellipsis (dấu chấm lửng)

Overflow: hidden

White-space: nowrap/normal/pre

Font:

Font-style: normal/italic

Font-size:

Font-weight:bold/normal

Font-family:

Links:

Color:

text-decoration: none/underline

a:link

a:visited

a:hover

a:active

Float: left/right

Clear: both

Display: inine/inline-block/block/none(ẩn phần tử và vị trí coi như không có )

Visibility: visible/hidden(hiển thị và ẩn )

Border:

Border-style: dotted/dashed/solid/double/

Border-width:

Border-color:

Border-radius:

Border: width style color

Grid:

Display: grid

Grid-column-gap

Grid-template-column

Grid-row-grap

Grid-template-row

Bow-shadow

Position: relative/absolute/fixed

Opacity

Overflow: visible/hidden/scroll/auto

<ul > </ul> {

List-style-type: none/cricle/square

List-style-image: url(#)

List-style-posisiton: inside/outside

List-style: type posision image;

}

<li></li> {

Text-decoration: none;

}

* **1/** **tag01 + tag02** : Chọn tất cả thành phần <tag02> được đặt kế và sau thành phần <tag01>.
* **2/ tag01 ~ tag02** : Chọn tất cả thành phần 02 khi có thành phần 01 ở trước.
* **3/** **tag01 > tag02** : Chọn tất cả thành phần <tag02> có thành phần cha là <tag01>.
* **4/ tag01 tag02** : Chọn tất cả thành phần <tag02> bên trong thành phần <tag01>.
* **5/ tag01,tag02 :** Chọn tất cả thành phần <tag01> và <tag02>.

Vị trí đặt của css trong trang html

1. CSS inline style (Cục bộ): Đặt Css ngay trong văn bản html thông qua thuộc tính style

* Load nhanh, nhưng rối, khó sửa

1. CSS internal (Nội tuyến): Định nghĩa CSS trong thẻ <style></style> trong văn bản HTML (thường đặt trong <head></head>)

* Khi 1 người truy cập vào website , trang web sẽ được tải theo thứ tự từ trên xuống dưới, đặt CSS ở phần <body></body> nếu trang web chưa kịp load hết thì phần CSS sẽ không được tải

1. CSS external(Ngoại tuyến): Liên kết đến 1 tập tin .css chứa toàn bộ style của văn bản HTML

* Thứ tự load: Inline-> internal -> external
* Nên đặt CSS external vì:

## Quy tắc đặt tên trong CSS

## 

Đối với class: Sử dụng dấu gạch ngang và dấu cách

Đối với id: Sử dụng dấu gạch dưới

Chú ý:

* Sử dụng SASS
* Căn giữa dùng thẻ display: flex, (chú ý cách dùng)
* Khi cắt để ảnh mẫu phía trên bài
* Chú ý phần font-family, font-size
* Đặt comment trong code